

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LAGI
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2017/HSST
Ngày: 28/11/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt** - Nghề nghiệp: Công chức

Nơi công tác: Nhà thiếu nhi thị xã L.

2. Ông **Võ Mừng** - Nghề nghiệp: Công chức

Nơi công tác: Mật trận tổ quốc Việt Nam thị xã L.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L - tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L - tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông **Mai Văn Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại Hội trường Ủy ban nhân dân phường B xét xử sơ thẩm lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 91/2017/HSST ngày 26 tháng 10 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/HSST-QĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

TRẦN NGỌC L - Sinh năm: 1992, tại tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Trình độ văn hóa: 2/12 - Nghề nghiệp: Làm thuê.

Tiền án - Tiền sự: Không.

Con ông: Trần văn C (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị P, sinh năm: 1963.

Vợ, con: Chưa có.

Bị cáo bị bắt ngày **01/9/2017**, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Thanh H** - Sinh năm: 1993. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 01/9/2017, tại khu vực M thuộc khu phố 4, phường B, thị xã L, Công an phường B bắt quả tang Trần Ngọc L đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra khám xét, Công an thu giữ trên người của L 03 đoạn ống nhựa ngắn màu vàng được hàn kín hai đầu bên trong có chứa chất bột. L

khai nhận đây là 03 tép ma túy của bị cáo, vừa mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 300.000 đồng, tại khu vực xóm sinh thuộc phường B, nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân. Ngoài ra, còn thu giữ của L 01 ống kim tiêm, 01 điện thoại di động màu xanh hiệu Titel, 01 xe mô tô hiệu Honda biển số 59L1- 593.13 và số tiền 250.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã Quyết định trưng cầu giám định đối với số ma túy thu giữ. Tại Bản kết luận giám định số: **576/KLGD - PC54** ngày 02/9/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận: Chất bột màu trắng trong 03 đoạn ống nhựa màu vàng, thu giữ của Trần Ngọc Long được niêm phong gửi đến giám định có khối lượng 0,1903 gam, là **Heroin**.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT công an thị xã L đã trả lại 01 xe mô tô hiệu Honda biển số 59L1- 593.13 cho anh Nguyễn Thanh H (Do anh H không biết L mượn xe đi mua ma túy).

Đối với 01 phong bì niêm phong số: 576 ngày 02/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận, 01 ống kim tiêm, 01 điện thoại di động màu xanh hiệu Titel và số tiền 250.000 đồng, Cơ quan CSĐT công an thị xã L đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thị xã L quản lý theo biên bản lập ngày 26/10/2017.

Tại bản cáo trạng số: 87/QĐ-VKS ngày 26 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Trần Ngọc L, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, đã sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Ngọc L đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 và điểm h, khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số: 41/2017/QH14.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc L mức án từ 24 đến 30 tháng tù;

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a, điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 ống kim tiêm và 01 phong bì niêm phong số 576 (Đây là mẫu vật còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy). Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động màu xanh hiệu Titel và 250.000 đồng (Đây là tài sản riêng của bị cáo).

- Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc L khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra và thừa nhận cáo trạng của VKSND thị xã L truy tố là hoàn toàn đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Ngọc L: Thừa HĐXX, bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về làm con người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 01/9/2017, tại khu vực M, thuộc khu phố 4, phường B, thị xã L. Bị cáo Trần Ngọc L có hành vi tàng trữ trái phép 03 tép Heroin, có khối lượng **0,1903** gam, nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân, thì bị Công an phường B phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng tang vật.

Hành vi trên của bị cáo Trần Ngọc L đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát thị xã L truy tố bị cáo Trần Ngọc L về tội danh, điều luật áp dụng có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, để nhận thức được tác hại, sự nguy hiểm của chất ma túy đối với sức khỏe con người và tệ nạn ma túy là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm nguy hiểm khác, cũng như việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bất chấp, cố ý thực hiện.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Ngọc L là cố ý và rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự trị an xã hội, mà còn xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Do đó, để đảm bảo yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương, cũng như lập lại trật tự công cộng, cần thiết phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo. Bản án xử bị cáo phải đảm bảo được tính giáo dục cao, để không những cải tạo, giáo dục chính bị cáo mà còn làm gương cho những người khác.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với tình tiết tăng nặng: Không có.

Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án - tiền sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, quy định: “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy ... thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*” là quy định có lợi hơn so với Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2009). Vì vậy, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo L căn cứ Điểm h, Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, để thực hiện các quy định có lợi cho bị cáo L được quy định tại Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ một năm đến năm năm”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, đang sống một mình, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Thuận, hoàn lại mẫu vật gửi đến giám định còn lại là 0,1071 gam mẫu vật sau giám định và 03 đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì số: 576 là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành và 01 (Một) ống kim tiêm là vật không có giá trị. Căn cứ điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với số tiền 250.000 đồng và một điện thoại di động hiệu Titel thu giữ của bị cáo. Xét, đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

[8] Đối với chiếc xe mô tô biển số: 59 L1 -593.13 do Nguyễn Thanh H là chủ sở hữu, cơ quan công an đã trả lại cho anh H nên HĐXX không xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố:** Bị cáo **Trần Ngọc L**, phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 của Quốc hội thông qua ngày 20/6/2017.

* **Xử phạt:** Bị cáo Trần Ngọc L **02 (Hai) năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày **01/9/2017**.

* **Áp dụng:** Điểm a, điểm đ Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 0,1071 gam mẫu vật sau giám định và 03 đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì số: 576 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Thuận; 01 (Một) ống kim tiêm.

- Tuyên: Trả cho bị cáo Trần Ngọc L 250.000 đồng và một điện thoại di động hiệu Titel.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/10/2017 giữa cơ quan CSĐT Công an thị xã L với Chi cục thi hành án dân sự thị xã L)

* **Áp dụng:** Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Ngọc L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- Phòng PC81- CA tỉnh Bình Thuận
- VKSND thị xã LaGi
- THADS thị xã LaGi
- Công an thị xã LaGi
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS - Lưu Tòa án
- UBND địa phương nơi BC cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Minh Chính